

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NINH BÌNH  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 5 - 2021

V/v “Ly hôn; tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Tú

2. Bà Đồng Thị Thanh Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Lan Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:*  
Bà Vũ Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 274/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/TB-TA ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Xóm TH, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân P, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số nhà xx, ngõ xx, đường PHT, phố x, phường VG, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa chị H có mặt, anh P vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Trương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân P được tự do tìm hiểu qua mai mối, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không chịu lao động để kiếm sống, rượu chè bê tha, thường những lần anh P đi nhậu về là đánh vợ, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, tháng 7 năm 2020 chị có làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh P nhưng lại rút đơn khởi kiện vì anh P không sinh sống ở Ninh Bình, chị đã về bố mẹ đẻ của chị để sinh sống. Chị xác định tình cảm của chị đối với anh P không còn, mục đích hôn nhân không như mong muốn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/4/20xx và cháu Trần Gia B, sinh ngày 01/7/20xx. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị xin được nuôi cháu Trần Gia B.

Về cấp dưỡng cho con chung: Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung; công nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Trần Xuân P trình bày:

Anh và chị Trương Thị H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định ngày 24/02/2011. Sau khi kết hôn anh chị sống tại gia đình bố mẹ anh, năm 2016 anh và chị H sống ở GV, GV, năm 2018 lại về ĐT sinh sống, tháng 6 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có nhắn tin qua lại với đồng nghiệp làm cùng và vợ của họ đã nhắn tin gọi điện cho anh nói anh không dạy vợ để vợ đi cướp chồng của người khác. Sau đó vợ chồng anh có cãi nhau, chị H có chửi láo nên anh đã đánh chị H, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay và làm đơn ly hôn anh. Anh còn yêu thương vợ, anh không muốn cuộc sống tương lai của các con thiếu bố hoặc mẹ nên anh không muốn ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/4/20xx và cháu Trần Gia B, sinh ngày 01/7/20xx. Hiện nay các cháu đang ở với anh. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi cả hai con chung. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung; công nợ chung: Anh xác định anh và chị H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Trần Thị Ngọc D có nguyện vọng nếu Tòa án giải quyết ly hôn cháu được ở với bố.

Tại biên bản xác minh ngày 19/3/2021 tổ trưởng tổ dân phố 4, phường VG cung cấp: Ông được biết qua bố đẻ anh P kể lại vợ chồng chị H, anh P nhiều lần cãi chửi và đánh nhau nên chị H đã về nhà đẻ ở, còn anh P thường xuyên không có nhà, anh P đi đâu làm gì phố không biết.

Ngày 04/5/2021 anh P có đơn xin xử vắng mặt và đề nghị nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh cũng nhất trí; Về con chung: hiện nay cả hai cháu đều do bố mẹ anh đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh đi làm ăn xa, không thường xuyên về nhà, bố mẹ anh già yếu không thay anh chăm sóc các cháu được. Do vậy anh nhất trí giao cho chị H trực tiếp nuôi cả hai cháu, vì anh không muốn mỗi cháu ở một nơi, sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của các cháu; Anh và chị H thoả thuận cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản và công nợ chung: anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trương Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị được ly hôn anh P vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân và không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tình cảm giữa chị và anh P không còn. Chị và anh P đã thoả thuận cho chị được nuôi cả hai con chung vì anh P đi làm ăn xa không có điều kiện trực tiếp chăm sóc các cháu. Về cấp dưỡng tiền cho con: Chị và anh P tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H; Cho chị Trương Thị H được ly hôn với anh Trần Xuân P. Về con chung: Giao cháu cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/4/20xx và cháu Trần Gia B, sinh ngày 01/7/20xx cho chị Trương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này. Khi cần các bên có thể thay đổi việc nuôi con chung.

Chị Trương Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Xuân P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, anh P vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Trần Xuân P được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định ngày 24 tháng 02 năm 2011. Hôn nhân giữa chị H và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Tháng 7 năm 2020 chị H đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án, sau đó chị đã rút đơn nhưng từ đó đến nay anh chị không hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh P đi làm ăn xa không thường xuyên về nhà, anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy, chị H P không còn tình cảm, nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Hôn nhân của chị H và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị H là phù hợp với Khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh P có hai con chung cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/4/20xx và cháu Trần Gia B, sinh ngày 01/7/20xx, hiện các cháu đang ở với chị H. Xét hiện tại anh P đi làm xa không có điều kiện trực tiếp nuôi con, anh P nhất trí giao hai con cho chị H trực tiếp chăm nuôi. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu, chị có việc làm và thu nhập ổn định. Do vậy, để đảm bảo tốt về mọi mặt cho các cháu, cần giao hai cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền cho con: Chị Trương Thị H và anh Trần Xuân P tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trương Thị H và anh Trần Xuân P xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ khoản 4, Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1, Điều 273 Bộ Luật  
tổ tụng Dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30  
tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H về việc “Xin  
ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Trần Xuân Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Trần Xuân  
P.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc,  
nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/4/20xx và cháu Trần Gia  
B, sinh ngày 01/7/20xx, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D,  
cháu B đủ 18 tuổi.

Anh Trần Xuân P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Không ai được  
cản trở anh P thực hiện quyền này. Khi cần các bên có thể thay đổi việc nuôi con  
chung.

Về cấp dưỡng tiền cho con: Chị Trương Thị H và anh Trần Xuân P tự thỏa  
thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trương Thị H và anh Trần Xuân P  
xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị H phải nộp  
300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm  
ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo  
biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001730 ngày 19 tháng 11 năm  
2020.

Án xử công khai sơ thẩm chị Trương Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền  
kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Xuân P vắng mặt tại  
phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc  
bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSNDTP.Ninh Bình;
- Chi cục THADSTP.Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã YT, H YY, ND;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Tuyết**

